

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DS-PT  
Ngày 11 - 01 - 2024  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Anh Tuấn

*Các Thẩm phán:* Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Ông Trương Thanh Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Kiều Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 179/2023/TLPT-DS ngày 08/11/2023 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2023/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Lê Thanh L, sinh năm 1959, (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Huỳnh Tố H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 45H, Khóm M, Phường N, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

**2. Bị đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1962, (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1966. Địa chỉ: Khóm 5, Phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**3.1. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.**

Địa chỉ: ấp X, thị trấn H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh Hải, chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, (vắng mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971, (có mặt)

3.3. Ông Lê Thành P, sinh năm 1999, (có mặt)

3.4. Chị Nguyễn Thạch T1, sinh năm 2002, (vắng mặt)

3.5. Anh Lê Thành Đ, sinh năm 2001, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.6. Ông Lê Chí B, sinh năm 1955, (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 7, Phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3.7. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1950, (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.8. Ông Lê Văn M, sinh năm 1955, (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.9. Bà Lê Thị N, sinh năm 1953, (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

3.10. Bà Lê Thị Tú E, sinh năm 1960, (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.11. Bà Lê Hồng T2, sinh năm 1968, (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3.12. Bà Lê Thanh Nh, sinh năm 1970, (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.13. Bà Lương Thị T3, sinh năm 1963, (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị T3: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: Khóm 5, Phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lê Thanh L, sinh năm 1959.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/11/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Huỳnh Tố H trình bày:* Năm 1990, mẹ ông L là cụ Võ Thị H có cho ông L 01 công thổ cư, đo đạc thực tế diện tích 1.766,1m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, nguồn gốc phần đất này của cha mẹ ông L là cụ Võ Thị H và cụ Lê Tấn T. Cụ H chết năm 2020, cụ T chết năm 1991.

Cụ T với cụ H chung sống với nhau có 09 người con: Ông Lê Văn T, bà Lê Thị N, ông Lê Văn M, ông Lê Chí B, bà Lê Thị Tú E bà Lê Hồng T2, bà Lê Thanh Nh, ngoài ra cụ T và cụ H không còn người con chung hay con riêng

nào khác. Khi còn sống, cụ H có lập di chúc phân chia đất cho các con, trong đó cụ H cho ông L 03 công đất vườn và 01 công thổ cư, phần đất vườn ông T đã chuyển quyền cho ông L. Riêng phần đất thổ cư (nay là phần đất tranh chấp) thì ông T chưa chuyển quyền cho ông L. Từ đó, ông L khởi kiện ông T yêu cầu Tòa án công nhận phần đất tranh chấp cho ông L; đồng thời hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của ông T liên quan đến phần đất tranh chấp. Chứng cứ chứng minh việc cụ H cho đất cho ông L thể hiện qua tờ di chúc do cụ H lập ngày 29/4/1999.

*Bị đơn ông Lê Văn T và người đại diện theo ủy quyền của ông T, đồng thời đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị T3 là ông Nguyễn Thanh Đ trình bày:* Ông T là em ruột ông L, ông T thống nhất lời trình bày của ông L về thời gian chết của cụ H, cụ T, thống nhất về những người con của cụ H và cụ T. Theo ông T xác định, nguồn gốc phần đất tranh chấp của cha mẹ ông là cụ H, cụ T cho ông T và ông T được nhà nước cấp Quyền sử dụng đất năm 1994. Do hoàn cảnh khó khăn và trong thời gian ngắn hai người con của ông T chết nên ông T buồn và vợ chồng ông T đi làm ở Cà Mau. Sau đó, ông L về ở chung với cụ H. Mặc dù, năm 1994 cha mẹ cho ông T toàn bộ phần đất của cha mẹ, trong đó có bao gồm phần đất tranh chấp, nhưng vì anh em chưa ai được cho đất, thực hiện ý chí của cụ H, năm 2012 ông T đã tách Quyền sử dụng đất cho các anh em, cụ thể: Chia cho ông T1 02 công, ông M 2,5 công, ông B 02 công, ông L 03 công, phần 03 công đất vườn của ông L đã cải tạo thành đất ruộng, còn lại khoảng 1,5 công vườn và thổ cư là của ông T. Do ông T chưa có nhu cầu sử dụng, hơn nữa ông L đang sống chung với cụ H, chăm sóc cụ H nên ông T để ông L tiếp tục sử dụng, khi nào ông T có nhu cầu sử dụng và khi cụ H mất thì ông T sẽ lấy lại đất để cất nhà ở, vì hiện nay ông T cũng đang ở trọ, không nhà cửa. Tuy nhiên, khi ông T về địa phương đòi lại đất, ông L không đồng ý nên ông T có khởi kiện ông L ra chính quyền địa phương, nhưng do hoàn cảnh quá khó khăn nên ông T không tiếp tục kiện và ông L lại kiện ngược lại ông T. Nay ông T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L. Ngoài ra ông T yêu cầu phản tố đối với ông L, yêu cầu vợ chồng ông L phải di dời nhà, cây trồng và tài sản có trên đất để trả lại cho ông T phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế 1.766,1m<sup>2</sup>. Hiện phần đất tranh chấp vẫn do ông T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T đang quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nung đất thì ông L quản lý sử dụng từ năm 1994 đến nay.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N (vợ ông L), chị Nguyễn Thạch T2, anh Lê Thành P, anh Lê Thành Đ (con ông L) trình bày:* Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông L, không đồng ý yêu cầu phản tố của ông T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Chí B, ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N, ông Lê Văn M, bà Lê Hồng T2, bà Lê Thanh N trình bày:* Các ông bà thống nhất lời trình bày của ông L, ông T về những người con và thời gian mất của cụ T, cụ H. Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa ông L và ông T là của cụ

H, cụ T cho lại ông T, không nhớ cho vào năm nào và ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do ông T khó khăn và buồn chuyện con ông T chết nên ông T đi Cà Mau làm thuê, sinh sống. Khi ông T đi thì ông L về sống chung và chăm sóc cụ H. Khi cụ H còn sống cụ H có cho ông L phần đất vườn 03 công hiện ông L đã cải tạo ra làm ruộng, ông M 2,5 công, ông T1, ông B mỗi người 02 công. Riêng bà N, bà T2, bà Nh, bà E không được cha mẹ cho đất. Nay ông B, ông T1, ông M, bà N, bà Nh, bà T2 không đặt ra tranh chấp hay khiếu nại gì liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T liên quan phần đất tranh chấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện V trình bày:* Phần đất tranh chấp ông T đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 là cấp lần đầu, theo Luật đất đai 1993 và Thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính về việc hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Việc ông L yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và nếu Tòa án xét thấy có căn cứ thì Ủy ban nhân dân huyện V không có ý kiến.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2023/DSST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh L đối với ông Lê Văn T về việc tranh chấp quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế 1.766,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 602, tờ bản đồ số 12, tọa lạc ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn T vào ngày 14/01/2011

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn T đối với ông Lê Thanh L về việc đòi Quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế 1.766,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 602, tờ bản đồ số 12, tọa lạc ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc ông Lê Thanh L, bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Văn T, bà Lương Thị T3 giá trị phần đất tranh chấp theo giá thị trường với số tiền 432.325.000 đồng (Bốn trăm ba mươi hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 25/9/2023, nguyên đơn ông Lê Thanh L kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, công nhận phần đất tranh chấp diện tích 1.766,1m<sup>2</sup> cho ông, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T, đồng thời

hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông L giữ nguyên kháng cáo.

Phát biểu tranh luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm về thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2023/DS-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của đương sự: Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T1, ông B, bà T3, bà N, anh P có mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo vắng mặt nhưng không có lý do, không có người đại diện theo ủy quyền, nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[1.2] Đơn kháng cáo của ông L về hình thức và nội dung được thực hiện đúng quy định và được nộp trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông L yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp diện tích 1.766,1m<sup>2</sup> thuộc thửa 602, tờ bản đồ số 12 cho ông. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình tố tụng ông L và ông T đều xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ ông Lê Tấn T và cụ bà Võ Thị H là cha mẹ của ông L, ông T tạo lập.

Theo ông T xác định năm 1994 ông được mẹ ông là cụ H cho ông toàn bộ phần đất của cụ H và cụ T tạo lập, trong đó có phần đất diện tích 1.766,1m<sup>2</sup> hiện đang tranh chấp và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc dù, toàn bộ phần đất ông được cụ H cho ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng năm 2012 ông vẫn đồng ý tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao đất cho anh em theo diện tích đất của H cho các con được ghi trong di chúc do cụ H lập ngày 29/4/1999. Do hoàn cảnh gia đình ông phải đi làm ăn xa nên ông L về ở cùng với cụ H và sử dụng các phần đất của

ông được cụ H cho ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của ông T, đồng thời ông có yêu cầu phản tố yêu cầu ông L di dời nhà, cây trồng và tài sản trả lại cho ông phần đất diện tích 1.766,1m<sup>2</sup>.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, về nguồn gốc đất các đương sự thống nhất xác định của cha mẹ là cụ T và cụ H tạo lập, nhưng để cho ông T kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/4/1994 với diện tích 24.500m<sup>2</sup>, tại các thửa 524, 523, 521, 520 và 519, tờ bản đồ số 12, việc ông T kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất của cụ H và cụ T tạo lập không thông qua hình thức chuyển nhượng hay tặng cho và cũng không có ý kiến của hàng thừa kế thứ nhất của cụ T mà ông T tự kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa đúng quy định pháp luật, vì phần đất có nguồn gốc của cụ H và cụ T tạo lập, năm 1991 cụ T chết đã phát sinh quyền thừa kế của các con cụ T, nên Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T ngày 23/4/1994 chưa đúng trình tự, thủ tục và chưa đúng đối tượng sử dụng đất. Hơn nữa, sau khi ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng cụ H và các con của cụ H vẫn xác định phần đất do ông T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của cụ H, nên ngày 29/4/1999 cụ H lập di chúc phân chia đất cho các con và ông T vẫn thực hiện việc tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao đất cho anh em theo nội dung di chúc do cụ H lập ngày 29/4/1999.

Do đó, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp đo đạc thực tế diện tích 1.766,1m<sup>2</sup> mặc dù ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vẫn còn là di sản của cụ H và cụ T, cấp sơ thẩm căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T đứng tên để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T là chưa xem xét toàn diện nguồn gốc phần đất tranh chấp và quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, nên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông L đối với phần đất tranh chấp

[4] Xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T ngày 23/4/1994, chưa được thực hiện đúng theo quy định pháp luật về trình tự, thủ tục cấp giấy và tại thời điểm cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/01/2011 cũng chưa được thực hiện đúng quy định, vì trên phần đất diện tích 1.766,1m<sup>2</sup> có căn nhà và tài sản trên đất do cụ H, ông L đang quản lý sử dụng nhưng vẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là người không quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất. Tuy nhiên, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất. Do phần đất tranh chấp diện tích 1.766,1m<sup>2</sup> là di sản của cụ T, cụ H để lại chưa được phân chia, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và yêu cầu phản tố của ông T. Do đó, không cần phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do ông T đang đứng tên, trường hợp các đương sự không tự thỏa thuận phân chia di sản của cụ T, cụ H để lại được thì có quyền khởi kiện ở vụ án khác sẽ xem xét đến việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T theo quy định pháp luật.

[5] Xét tờ di chúc do cụ H lập ngày 29/4/1999 về hình thức được lập thành văn bản và nội dung không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên, do các bên đương sự không tranh chấp chia di sản thừa kế nên không đặt ra xem xét nội dung và hình thức của di chúc trong vụ án này.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Liêm, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 74/DSST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện V. Hội đồng xét xử thấy, như đã phân tích, đề của Kiểm sát viên chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm. Do chấp nhận một phần kháng cáo của ông L, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T, nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, ông T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0001407 ngày 30/01/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được chuyển thu án phí được chuyển thu án phí.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông L được chấp nhận một phần, nên ông Liêm không phải chịu.

*Vì các lẽ nêu trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Thanh L, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2023/DSST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh L đối với ông Lê Văn T yêu cầu công nhận quyền sử dụng phần đất đo đạc thực tế diện tích 1.766,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 602, tờ bản đồ số 12, tọa lạc ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn T ngày 14/01/2011, phần đất có vị trí, số đo các cạnh như sau:

Cạnh hướng Đông giáp đất ông Lê Văn T1 đang sử dụng có số đo 27,6m.

Cạnh hướng Tây giáp kênh Vàm Đình - Tư Bá có số đo 28,02m.

Cạnh hướng Nam giáp đất ông Lê Thanh L đang sử dụng có số đo 73,02m.

Cạnh hướng Bắc giáp đất ông Lê Văn C đang sử dụng có số đo 60,2m.

Trích đo thửa đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu lập ngày 17/5/2023 được kèm theo Bản án và là bộ phận không thể tách rời Bản án.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn T đối với ông Lê Thanh L về việc yêu cầu ông Lê Thanh L giao trả phần đất đo đạc thực tế diện tích 1.766,1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 602, tờ bản đồ số 12, tọa lạc ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn T vào ngày 14/01/2011, phần đất có vị trí, số đo các cạnh như ở mục 1 phần Quyết định của Bản án.

3. Chi phí xem xét thẩm định, định giá phần đất tranh chấp là 4.990.820 đồng (Bốn triệu chín trăm chín mươi ngàn, tám trăm hai mươi đồng), ông Lê Thanh L phải chịu toàn bộ, ông Lê Thanh L đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Thanh L được miễn nộp. Ông Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng, ông Lê Văn T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0001407 ngày 30/01/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Thanh L không phải chịu.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Anh Tuấn**